

Bản án số: 19/2021/HNGĐ-ST

Ngày 29 - 10 - 2021.

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG, TỈNH ĐẮK NÔNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hồng Huệ.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Đình Liên và bà Cán Thị Thành.
- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà Võ Thị Nhàn –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Song.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song tham gia phiên tòa:* Ông Đỗ Ngọc Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Song xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2021/TLST – HNGĐ, ngày 03 tháng 3 năm 2021 về việc “ Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 01/9/2021 và quyết định hoãn phiên tòa số: 20/2021/QĐST – HNGĐ ngày 01/10/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Tr, sinh năm 1990 - Có mặt.

Địa chỉ: Thôn Thuận T, xã Thuận H, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.

Bị đơn: Anh Cao Văn Đ, sinh năm 1989 – Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Địa chỉ: Thôn Thuận T, xã Thuận H, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/02/2021 (nộp trực tiếp tại Tòa án ngày 26/02/2021) quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Tr trình bày: Chị Nguyễn Thị Tr và anh Cao Văn Đ lập gia đình vào năm 2013 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thuận Hạnh, huyện Đắk Song trên tinh thần tự nguyện không bị ai ép buộc. Trong thời gian chung sống anh, chị có 03 con chung gồm cháu Cao Thị Th, sinh ngày 03/7/2009; cháu Cao Thị Thu H, sinh ngày 05/8/2011 và cháu Cao Triệu V, sinh ngày 23/7/2014, trong cuộc sống thời gian đầu anh chị hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn thường xuyên do không có sự hòa hợp, đồng cảm, chia sẻ, chị Tr trình bày anh Đ thường xuyên không có trách nhiệm với gia đình, ăn chơi, cờ bạc, mỗi lần chơi thua thì về đòi tiền chị, khi chị không đưa thì còn bị anh Đ đánh đập,

nhậu nhẹt, say xỉn. Hiện nay chị Tr và anh Đ không sống chung với nhau từ tháng 7 năm 2020 đến nay chị Tr không thể chịu đựng được nữa, tình cảm yêu thương dành cho anh Đ không còn, vì vậy chị Tr giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh Đ.

Về yêu cầu nuôi con chung: Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/02/2021, nộp trực tiếp ngày 26/02/2021 chị Tr có nguyện vọng được nuôi 02 con chung gồm cháu Cao Thị Th, sinh ngày 03/7/2009; cháu Cao Thị Thu H, sinh ngày 05/8/2011 đến tuổi trưởng thành còn con chung cháu Cao Triệu V, sinh ngày 23/7/2014 nhường quyền nuôi con cho anh Đ chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Chị Tr không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung: Chị Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, Biên bản hòa giải, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Cao Văn Đ trình bày: Anh Đ công nhận mối quan hệ hôn nhân của anh, chị đúng như lời trình bày của chị Tr. Trong cuộc sống vợ chồng anh Đ cho rằng chị Tr nói anh Đ ăn chơi, cờ bạc nhưng bản thân anh cũng nhận thấy chị Tr cũng có phần lỗi không chung thủy nhưng anh vẫn còn tình cảm với chị Tr, anh không muốn ly hôn muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng anh Đ không đưa ra được phương án gì để thuyết phục chị Tr đoàn tụ. Hiện nay anh và chị Tr cũng không sống chung với nhau từ đầu năm 2021 đến nay.

Về yêu cầu nuôi con chung, anh Đ không đồng ý yêu cầu của chị Tr, anh Đ có nguyện vọng trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 03 con chung gồm cháu Cao Thị Th, sinh ngày 03/7/2009; cháu Cao Thị Thu H, sinh ngày 05/8/2011 và cháu Cao Triệu V, sinh ngày 23/7/2014 đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu chị Tr cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa; tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các trình tự thủ tục quy định; Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn chấp hành chưa đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân chị Nguyễn Thị Tr được ly hôn với anh Cao Văn Đ.

Về yêu cầu nuôi con chung: Giao 02 con chung gồm cháu Cao Thị Th, sinh ngày 03/7/2009; cháu Cao Thị Thu H, sinh ngày 05/8/2011 cho chị Nguyễn Thị Tr trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành.

Giao con chung cháu Cao Triệu V, sinh ngày 23/7/2014 cho anh Cao Văn Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập giải quyết.

Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Tr chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả thẩm tra công khai các tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Tr khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, yêu cầu nuôi con chung nên quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Bị đơn là anh Cao Văn Đ có nơi cư trú tại thôn Thuần T, xã Thuần H, huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đăk Song theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về chấp hành pháp luật của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ đúng theo quy định tại Điều 173 Bộ luật tố tụng Dân sự để thông báo thụ lý vụ án, triệu tập đương sự và các văn bản tố tụng khác cho đương sự. Nguyên đơn chấp hành tốt. Bị đơn không chấp hành mặc dù có mặt tại địa phương nơi cư trú, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập cũng như các văn bản tố tụng bị đơn có lên làm việc tuy nhiên tại phiên tòa được mở vào ngày 01/10/2021 nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt không có lý do Tòa án đã tiến hành hoãn phiên tòa. Quyết định hoãn phiên tòa đã được tổng đạt hợp lệ cho anh Đ và chị Tr nhưng tại phiên tòa ngày hôm nay anh Đ vẫn vắng mặt không lý do. Như vậy, anh Đ đã từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, đó là quyền được pháp luật bảo vệ, điều đó cũng thể hiện bị đơn đã không tôn trọng pháp luật quy định tại Điều 6, Điều 72 của BLTTDS. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn đã vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên HĐXX xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

3. Về nội dung vụ án:

[3.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Tr và anh Cao Văn Đ xây dựng gia đình vào năm 2013, trên cơ sở hôn nhân tự nguyện anh, chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thuần Hạnh, huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông ngày 17/12/2013. Đây là hôn nhân hợp pháp, kết hôn đúng theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình quy định về tình nghĩa vợ chồng:

“1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trù trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác.

Chị Tr cho rằng vợ chồng anh, chị thường xuyên mâu thuẫn do không có sự hòa hợp, đồng cảm, chia sẻ, anh Đ không có trách nhiệm với gia đình lại thường xuyên

chơi bởi nhậu nhẹt, say xỉn bê tha về đánh đập chị Tr. Anh Đ thì cho rằng trong cuộc sống vợ chồng chị Tr không chung thủy.

Tại biên bản xác minh ngày 01/9/2021 tại Thôn Thuận T, xã Thuận H, huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông địa phương xác nhận vợ chồng chị Tr, anh Đ có cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, vì anh Đ có tính ham chơi nhất là chơi bài dẫn đến phá tán tài sản, hiện nay anh Đ và các con thường xuyên ở nhà mẹ đẻ anh Đ vợ chồng ly thân từ lâu, anh Đ, chị Tr luôn xảy ra mâu thuẫn cãi vã do bất đồng quan điểm sống, khó khăn về kinh tế, anh Đ, chị Tr đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2020 đến nay.

Hội đồng xét xử xét thấy, vợ chồng chung sống có hạnh phúc phải dựa trên sự yêu thương, tôn trọng, phải chung sống với nhau để cùng nhau quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, phải có sự hòa hợp, chia sẻ với nhau mọi vấn đề trong cuộc sống, việc anh Đ và chị Tr bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, không quan tâm, chăm sóc, chia sẻ với nhau, anh Đ, chị Tr lại không chung sống với nhau, không tìm cách hàn gắn hạnh phúc khiến cả hai bị tổn thương, tìm đến cách sống riêng của mình làm cho mục đích hôn nhân không đạt được, chị Tr cương quyết ly hôn, anh Đ không muốn ly hôn nhưng không có biện pháp nào hàn gắn hạnh phúc gia đình. Hiện nay chị Tr và anh Đ đã ly thân mỗi người sống một nơi. Như vậy, hôn nhân của chị Tr, anh Đ đã vi phạm Điều 19, Điều 21 Luật hôn nhân và Gia đình. Do đó, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Tr về việc ly hôn với anh Cao Văn Đ.

[3.2]. Về yêu cầu con chung: Quá trình giải quyết vụ án chị Tr có nguyện vọng nuôi 02 con chung gồm cháu Cao Thị Th, sinh ngày 03/7/2009; cháu Cao Thị Th H, sinh ngày 05/8/2011 đến tuổi trưởng thành còn con chung cháu Cao Triệu V, sinh ngày 23/7/2014 nhường quyền nuôi con cho anh Đ chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành đến tuổi trưởng. Anh Đ có nguyện vọng nuôi 03 con chung gồm cháu Cao Thị Th, sinh ngày 03/7/2009; cháu Cao Thị Thu H, sinh ngày 05/8/2011 và cháu Cao Triệu V, sinh ngày 23/7/2014 đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Tr, anh Đ không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại biên bản ghi nhận ý kiến của con chưa thành niên ngày 11/5/2021 đối với các cháu Cao Thị Th, sinh ngày 03/7/2009 và cháu Cao Thị Thu H, sinh ngày 05/8/2011 đối với Cao Triệu V, sinh ngày 23/7/2014. Các con chung cháu Th, cháu H có nguyện vọng được ở cùng với chị Tr; cháu V có nguyện vọng được ở cùng với anh Đ.

Khoản 1, khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

“1. Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật này, Bộ luật dân sự và các luật khác có liên quan.

2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.”

Hội đồng xét xử xét thấy anh Đ và chị Tr không thỏa thuận được với nhau về yêu cầu nuôi con chung, anh Đ có nguyện vọng nuôi dưỡng 03 con chung tuy nhiên cháu Th, cháu H lại có nguyện vọng được ở cùng với chị Tr, từ đầu tháng 7 năm 2020 đến nay cháu Th, cháu H cùng chị Tr không còn sống chung với anh Đ, nếu giao các cháu Th, cháu H cho anh Đ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục đến tuổi trưởng thành sẽ không đúng với nguyện vọng được ở cùng mẹ của cháu, làm tăng khoảng cách giữa anh Đ và các cháu Th, cháu H, gây áp lực đến tâm lý của các cháu, cháu Th, cháu H đang ở độ tuổi vị thành niên, lại là con gái vì vậy nếu sống cùng với chị Tr sẽ phù hợp cho việc chăm sóc, giáo dục hơn khi ở cùng anh Đ.

Trong quá trình giải quyết vụ án do hai vợ chồng chị Tr và anh Đ không thỏa thuận được về việc người trực tiếp nuôi con, Tòa án đã ban hành Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ số: 48/2021/QĐ – CCTLCC ngày 24/8/2021 đối với chị Nguyễn Thị Tr và Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ số: 49/2021/QĐ – CCTLCC ngày 24/8/2021 đối với anh Cao Văn Đ về khả năng kinh tế khi đưa ra yêu cầu được nuôi con. Tuy nhiên, cả hai vợ chồng chị Tr và anh Đ đều không cung cấp được chứng cứ, tài liệu do Tòa án yêu cầu theo quy định.

Quá trình Tòa án xác minh tại thôn Thuận Tinh nơi chị Tr và anh Đ sinh sống thì được biết chị Tr phải đi làm công nhân may mặc ở công ty Đồng Tiến ở Biên Hòa xa nhà nhưng chị vẫn gửi tiền về cho bà nội nuôi con, còn anh Đ ở nhà nhưng thường xuyên chơi bời không chăm sóc các con chu đáo mà các con của chị Tr và anh Đ phải thường xuyên ở cùng với bà nội. Vì vậy, đối với yêu cầu của anh Đ đưa ra xin nuôi ba con cháu Cao Thị Th, sinh ngày 03/7/2009; cháu Cao Thị Thu H, sinh ngày 05/8/2011 và cháu Cao Triệu V, sinh ngày 23/7/2014 đến tuổi trưởng thành là không có cơ sở pháp luật mà chỉ giao cho anh Đ nuôi con Cao Triệu V, sinh ngày 23/7/2014 đến tuổi trưởng thành vì cháu V có nguyện vọng được ở cùng với bố, hơn nữa cháu V là con trai thì ở với bố sẽ phù hợp hơn ở với chị Tr. Đối với yêu cầu của chị Tr có nguyện vọng nuôi 02 con chung gồm cháu Cao Thị Th, sinh ngày 03/7/2009; cháu Cao Thị Thu H, sinh ngày 05/8/2011 đến tuổi trưởng thành còn con chung cháu Cao Triệu V, sinh ngày 23/7/2014 nhường quyền nuôi con cho anh Đ chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành đến tuổi trưởng thành là phù hợp cần chấp nhận, hơn nữa hai con của chị Tr, anh Đ, các cháu Cao Thị Th, sinh ngày 03/7/2009 và cháu Cao Thị Thu H, sinh ngày 05/8/2011 cũng có nguyện vọng được ở cùng với chị Tr.

Vì vậy cần giao con chung Cao Triệu V, sinh ngày 23/7/2014 cho anh Cao Văn Đ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành; Giao 02 con chung Cao Thị Th, sinh ngày 03/7/2009; cháu Cao Thị Thu H, sinh ngày 05/8/2011 cho chị Nguyễn Thị Tr trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn anh Cao Văn Đ và chị Nguyễn Thị Tr có các quyền, nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung theo quy định tại các Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.3]. Về yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung: các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Tr phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 6; Điều 70; Điều 72; Điều 143; Khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng Điều 8; Điều 9; Điều 19; Điều 21; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; Khoản 1 Điều 56; khoản 1 Điều 57; Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84; Điều 131 Luật Hôn nhân & Gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Tr đối với anh Cao Văn Đ.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Tr được ly hôn với anh Cao Văn Đ.

2. Về yêu cầu nuôi con chung: Giao 02 con chung Cao Thị Th, sinh ngày 03/7/2009 và con Cao Thị Thu H, sinh ngày 05/8/2011 cho chị Nguyễn Thị Tr trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Giao con chung Cao Triệu V, sinh ngày 23/7/2014 cho anh Cao Văn Đ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Các đương sự không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn anh Cao Văn Đ và chị Nguyễn Thị Tr có các quyền, nghĩa vụ sau:

- Quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chưa thành niên theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình.

- Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân gia đình.

- Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 83 Luật hôn nhân gia đình.

- Quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

- Quyền yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 116 Luật Hôn nhân và Gia đình.

3. Về yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Tr phải chịu số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được trừ số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí mà chị Nguyễn Thị Tr đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông theo biên lai số 0005200/BL-THA, ngày 03/3/2021.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án; Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt bản án hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Song (02 bản);
- Chi cục THADS H. Đắk Song;
- UBND xã Thuận Hạnh;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Vp.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Huệ